

Bản án số: 09/2023/DSST
Ngày 14 - 09 - 2023
Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ly Giờ Gụ

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thào Thị Ly – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2023, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST- DS ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 09 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Giàng A – Sinh năm 1967

Bà Sùng Thị K – Sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Giàng A và bà Sùng Thị K là anh Anh Giàng S - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lầu P – Sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Giàng S – sinh năm 1989 và chị Thào Thị P – sinh năm 1990

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thào Thị P: anh Giàng S - sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

+ Bà Thào Thị M – sinh năm 1975

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lầu P – Sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Giàng A và bà Sùng Thị K) và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chị Thào Thị P) trình bày:

Ngày 03/11/1998 ông Giàng A và bà Sùng Thị K được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M044419 với diện tích là 12.000m² có địa chỉ tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Giàng A và bà Sùng Thị K đã sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp gì.

Năm 2016, ông Giàng A và bà Sùng Thị K cho anh Giàng S và vợ là chị Thào Thị P mượn đất để trồng ngô đến khi nào ông gia đình ông Giàng A có nhu cầu sử dụng sẽ lấy lại đất. Theo đó vợ chồng anh Giàng S và chị Thào Thị P đã sử dụng ổn định từ năm 2016 đến tháng 01/2022 thì ông Lầu P trú tại Thôn S, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai đến tranh chấp toàn bộ diện tích đất trên. Ông Lầu P yêu cầu gia đình anh Giàng S không được sử dụng diện tích đất trên nữa. Sau đó ông Lầu P trồng sắn trên toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp. Ông Giàng A và bà Sùng Thị K đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã D giải quyết tranh chấp đất giữa hộ ông Giàng A với hộ ông Lầu P. Ngày 03/3/2022, Ủy ban nhân dân xã D tiến hành hòa giải và yêu cầu ông Lầu P không được canh tác và phải trả lại toàn bộ diện tích đất đang canh tác cho ông Giàng A và bà Sùng Thị K. Tuy nhiên ông Lầu P không nhất trí hòa giải vẫn tiếp tục trồng sắn trên diện tích đất tranh chấp. Nhiều lần gia đình ông Giàng A và bà Sùng Thị K yêu cầu ông Lầu P trả lại diện tích đất trên nhưng ông Lầu P không trả lại diện tích đất trên.

Quá trình đo đạc thẩm định được các bên đương sự chỉ mốc giới tranh chấp, xác định được toàn bộ diện tích đất tranh chấp giữa ông Giàng A, bà Sùng Thị K với ông Lầu P là: 1696,8m² tại thửa số 01, tờ bản đồ số TĐ 05- 2023, diện tích đất tranh chấp phù hợp, đúng vị trí và nằm trong diện tích đất mà ông Giàng A và bà Sùng Thị K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.000m², Giấy CNQSDĐ số M 044419 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00216 QSDĐ/429/1998/QĐUB ngày 03/11/1998 mang tên hộ ông Giàng A địa chỉ tại xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trên diện tích đất tranh chấp tại thời điểm thẩm định không có cây hoa màu hay công trình xây dựng gì trên đất.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Giàng A và bà Sùng Thị K là anh Giàng S đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc ông Lầu P phải trả

lại cho hộ ông Giàng A diện tích đất đang tranh chấp là 1696,8m² (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) đất nằm trong giấy chứng nhận của hộ ông Giàng A, địa chỉ thửa đất tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Trong biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lầu P đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Thào Thị M) trình bày:

Về nguồn gốc đất: Ông Lầu P cho rằng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là của ông Lầu A Giáo (bố đẻ của ông Lầu P) để lại cho ông Lầu P, ông Lầu P xác định nguồn gốc đất là vào năm 1975 ông Lầu A Giáo khai hoang được khoảng 600m² sau khi khai hoang ông Lầu A Giáo trồng lúa được 05 năm thì chuyển sang trồng ngô được 04 năm. Đến năm 1987 mới cho ông Giàng A Páo (anh trai của ông Giàng A) mượn đất để trồng hoa màu. Đến năm 2019 ông Giàng A Páo chết, còn ông Lầu A Giáo (bố anh Lầu P chết năm nào anh Phụng không nhớ), anh Lầu P cho rằng việc ông Lầu A Giáo cho anh diện tích đất ông Lầu A Giáo khai hoang không làm văn bản giấy tờ gì chỉ cho bằng miệng và ông Lầu A Giáo cũng không đăng ký hay báo chính quyền địa phương về diện tích đất khai hoang, diện tích đất này cũng không được kê khai trong sổ mục kê. Anh Lầu P cho rằng diện tích đất này từ năm 1987 là ông Giàng A Páo sử dụng sau đó đến ông Giàng S dụng cho đến năm 2022 ông Lầu P và vợ là Thào Thị M đến đòi đất trồng sắn, ngô thì mới biết người đang sử dụng là anh Giàng S và cũng mới biết diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Giàng A, ông Lầu A Phụng không biết ông Giàng A được cấp là bao nhiêu m² đất, sau khi ông Lầu P trồng sắn thì ông Giàng A làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã D giải quyết, tại các buổi hòa giải ông Lầu P đều không nhất trí trả lại đất cho hộ ông Giàng A.

Đến nay ông Giàng A, bà Sùng Thị K làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Lầu P phải trả lại diện tích đất là 1696,8m² (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) đất nằm trong giấy chứng nhận của hộ ông Giàng A, ông Lầu P không nhất trí vì ông Lầu P cho rằng đây là đất của ông Lầu P, đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông Lầu P.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Giàng S vẫn giữ nguyên quan điểm về yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự đầy đủ, đảm bảo theo quy định của pháp luật nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký tòa án và Hội đồng

xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 98; Điều 99; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 164; Điều 168 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng A và bà Sùng Thị K. Buộc ông Lầu P, bà Thào Thị M phải trả lại diện tích đất 1696,8m² tại thửa số 01, tờ bản đồ số TĐ 05- 2023 (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) nằm trong diện tích 12.000m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 044419 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00216 QSDĐ/429/1998/QĐUB ngày 03/11/1998 tại tờ bản đồ II, số thửa 2-402, mục đích sử dụng: ĐRM; thời hạn sử dụng đến tháng 09 năm 2068 mang tên hộ ông Giàng A, địa chỉ thửa đất tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có tiếp giáp tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp với thủy điện Nậm Hô có chiều dài 73,58m
- + Phía Tây giáp với đất của ông Phàng A Sử có chiều dài 53,58m
- + Phía Nam giáp với đất của ông Phàng A Sài chiều dài 65,41m
- + Phía Bắc giáp với đất của ông Giàng A có chiều dài 30,44m.

Toàn bộ diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của hộ ông Giàng A và bà Sùng Thị K.

Tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật nguyên đơn, bị đơn không tham gia, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tòa án đã ra thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn, bị đơn không tham gia hòa giải, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông Lầu P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Giàng S và ông Lầu P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn đề nghị ngày 31/05/2023 của anh Giàng A Cờ, anh Giàng A Cừ, chị Tráng Thị Xế, Tráng Thị Chứ là con trai và con dâu của nguyên đơn ông Giàng A và bà Sùng Thị K gửi Tòa án nhân dân huyện B có nội dung đối với diện tích đất đang tranh chấp giữa hộ ông Giàng A và hộ ông Lầu P thì anh Giàng A Cờ, anh Giàng A Cừ, chị Tráng Thị Xế, Tráng Thị Chứ không có can thiệp và sử dụng gì trên diện tích trên nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện B không đưa anh Giàng A Cờ, anh Giàng A Cừ, chị Tráng Thị Xế, Tráng Thị Chứ vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đối với người làm chứng do bị đơn ông Lầu P cung cấp là ông Lầu A Chao. Sau khi triệu tập người làm chứng đến Tòa án để làm bản tự khai, người làm chứng đã đề nghị Tòa án lấy lời khai, Tòa án tiến hành lấy lời khai được ông Lầu A Chao cho biết ông Lầu P là em trai họ của ông Lầu A Chao, còn đối với diện tích đang tranh chấp giữa hộ ông Giàng A và hộ ông Lầu P thì ông Lầu A Chao đến năm 2022 mới biết, việc ông Lầu A Giáo cho ông Giàng A Páo mượn đất ông Lầu A Chao không biết cũng không được chứng kiến và cũng không biết ông Giàng S dụng đất từ lúc nào, ngoài ra ông Lầu A Chao không biết thêm gì nữa. Ông Lầu A Chao đề nghị Tòa án nhân dân huyện B không triệu tập đến tham gia phiên tòa xét xử. Vì vậy tòa án không triệu tập ông Lầu A Chao đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Giàng A và bà Sùng Thị K có đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Lầu P. Diện tích đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là 1696,8m² (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) đất nằm trong diện tích 12.000m² mà hộ ông Giàng A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 044419 vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 00216 QSDĐ/429/1998/QĐUB ngày 03/11/1998 tại tờ bản đồ II, số thửa 2- 402, mục đích sử dụng: ĐRM; thời hạn sử dụng đến tháng 09 năm 2068 mang tên hộ ông Giàng A, địa chỉ thửa đất tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Xác định đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai, đối tượng tranh chấp là bất động sản thì chỉ có Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết, diện tích đất đang tranh chấp tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai thẩm quyền giải quyết được quy định tại khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a,c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới, do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Xét về tính hợp pháp thửa đất của nguyên đơn.

Thửa đất có diện tích 12.000m² mà hộ ông Giàng A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 044419 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00216 QSDĐ/429/1998/QĐUB ngày 03/11/1998 tại tờ bản đồ II, số thửa 2- 402, mục đích sử dụng: ĐRM; thời hạn sử dụng đến tháng 09 năm 2068 mang tên hộ ông Giàng A, địa chỉ thửa đất tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong đó diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông Giàng A và ông Lầu P là 1696,8m² (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) nằm trong diện tích 12.000m² đất của hộ ông Giàng A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 13/07/2023 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai ra quyết định số 16/2023/QĐ- CCTLCC yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai cung cấp bộ hồ sơ cấp đất đối với hộ ông Giàng A. Ngày 20/07/2023 Văn phòng đăng ký đất đai có công văn số 724/VPĐK- CNTT.LT sau khi kiểm tra đối chiếu hồ sơ địa chính đang được lưu trữ, Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp cho tòa án bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Giàng A, theo quyết định số 429/QĐ- UB ngày 23/09/1998 của Ủy ban nhân dân huyện B. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Giàng A đảm bảo đúng trình tự, thủ tục do Luật đất đai quy định nên được pháp luật bảo vệ.

[4.2] Xét diện tích đất tranh chấp:

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện B đã được nguyên đơn, bị đơn chỉ mốc giới tranh chấp và đo đạc thực tế xác định diện tích tranh chấp là: 1696,8m² đất (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích 12.000m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 044419 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00216 QSDĐ/429/1998/QĐUB ngày 03/11/1998 tại tờ bản đồ II, số thửa 2- 402, mục đích sử dụng: ĐRM; thời hạn sử dụng đến tháng 9 năm 2068 mang tên hộ ông Giàng A, địa chỉ thửa đất tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Diện tích đất này không bị lấn chiếm hay chồng chéo với diện tích đất của hộ xung quanh. Vị trí diện tích đất tranh chấp nằm trong phần diện tích đất của nguyên đơn đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998 và sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 2022 hộ ông Lầu P mới đến tranh chấp.

[5] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Giàng A và Sùng Thị K đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giải quyết buộc ông Lầu P phải trả lại cho hộ gia đình ông Giàng A diện tích: 1696,8m² đất (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích 12.000m² đất

mà hộ ông Giàng A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 044419 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00216 QSDĐ/429/1998/QĐUB ngày 03/11/1998 tại tờ bản đồ II, số thửa 2- 402, mục đích sử dụng: ĐRM; thời hạn sử dụng đến tháng 09 năm 2068 mang tên hộ ông Giàng A, địa chỉ thửa đất tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo công văn số 724/VPĐK- CNTT.LT ngày 20/07/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai có căn cứ xác định hộ ông Giàng S dụng đất ổn định, liên tục, không có tranh chấp và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là: 12.000m² vào ngày 03 tháng 11 năm 1998. Đến ngày 18/01/2022 hộ ông Giàng A được Văn phòng đăng ký đất đai, huyện B ra gia hạn quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 12.000m² được sử dụng đến tháng 9/2068. Căn cứ vào khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 21 Nghị Định 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy diện tích tranh chấp là 1696,8m² đất (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) nằm trong diện tích 12.000m² mà hộ ông Giàng A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 044419 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00216 QSDĐ/429/1998/QĐUB ngày 03/11/1998 tại tờ bản đồ II, số thửa 2- 402, mục đích sử dụng: ĐRM; thời hạn sử dụng đến tháng 09 năm 2068 mang tên hộ ông Giàng A, địa chỉ thửa đất tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai thuộc quyền sử dụng của hộ ông Giàng A là có căn cứ hợp pháp.

[6] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lầu P cho rằng nguồn gốc đất là do bố đẻ của ông Lầu P là ông Lầu A Giáo khai hoang được diện tích đất trên và để lại cho ông Lầu P, tuy nhiên ông Lầu P không xuất trình được các chứng cứ, tài liệu, liên quan đến việc ông Lầu A Phúng được ông Lầu A Giáo khai hoang và để lại cho ông Lầu P diện tích đất tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh diện tích tranh chấp là 1696,8m² đất (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) nằm trong diện tích 12.000m² mà ông Lầu P đến để trồng sắn, trồng ngô là của ông Lầu P đang sử dụng hợp pháp. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 98; Điều 99; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 164; Điều 168 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng A và bà Sùng Thị K.

2. Buộc ông Lầu P, bà Thào Thị M phải trả lại diện tích đất 1696,8m² tại thửa số 01, tờ bản đồ số TĐ 05- 2023 (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B) diện tích đất này nằm trong diện tích 12.000m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 044419 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00216 QSDĐ/429/1998/QĐUB ngày 03/11/1998 tại tờ bản đồ II, số thửa 2- 402, mục đích sử dụng: ĐRM; thời hạn sử dụng đến tháng 09 năm 2068 mang tên hộ ông Giàng A, địa chỉ thửa đất tại thôn Bản Phố, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có tiếp giáp tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp với thủy điện Nậm Hô có chiều dài 73,58m
- + Phía Tây giáp với đất của ông Phàng A Sử có chiều dài 53,58m
- + Phía Nam giáp với đất của ông Phàng A Sài chiều dài 65,41m
- + Phía Bắc giáp với đất của ông Giàng A có chiều dài 30,44m.

(Có bảng kê tọa độ và trích lục thửa đất kèm theo và đây là phần không thể tách rời của bản án).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Giàng A và bà Sùng Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Giàng A và bà Sùng Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002418 ngày 31/05/2023(do anh Giàng S nộp thay) của Chi cục thi hành án huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ông Lầu P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định:

Buộc ông Lầu P phải chịu: 10.161.000đồng (Mười triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Giàng A và bà Sùng Thị K đã nộp tạm ứng số tiền này. Do vậy ông Lầu P phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Giàng A và bà Sùng Thị K số tiền chi phí xem xét, thẩm định là: 10.161.000đồng (Mười triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

"Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSND Tỉnh(1);
- VKS huyện BX (1)
- Đường sự (3);
- THA DS (1);
- Lưu Văn phòng (1)
- Lưu HS (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thanh Hương